

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (huyện Hạ Lang)

Môn: Phần C.II - Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam

Ngày thi: 26/5/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Thắm Thị Bạch	7.25	Bảy phẩy hai năm	41	Triệu Thúy Mơ	7.50	Bảy phẩy năm
2	Triệu Thị Chiêm	7.25	Bảy phẩy hai năm	42	Hoàng Thị My	7.25	Bảy phẩy hai năm
3	Nông Thị Chinh	7.25	Bảy phẩy hai năm	43	Nông Văn Nam	7.00	Bảy
4	Triệu Thị Chủ	7.75	Bảy phẩy bảy năm	44	Nông Thị Hoàng Nga	7.25	Bảy phẩy hai năm
5	Nông Thị Chuyên	8.00	Tám	45	Lã Thị Nga	7.50	Bảy phẩy năm
6	Đàm Bích Diệp	7.25	Bảy phẩy hai năm	46	Đường Văn Ngọc	7.75	Bảy phẩy bảy năm
7	Phạm Thị Dịu	7.75	Bảy phẩy bảy năm	47	Phùng Ánh Nguyệt	7.00	Bảy
8	Thắm Thị Duyên	8.00	Tám	48	Mã Lý Nhung	8.25	Tám phẩy hai năm
9	Hoàng Thị Định	7.75	Bảy phẩy bảy năm	49	Trần Thị Phương	7.50	Bảy phẩy năm
10	Bế Thị Đoan	7.25	Bảy phẩy hai năm	50	Phạm Thị Phượng	7.00	Bảy
11	Nông Thị Hồng Gấm	7.50	Bảy phẩy năm	51	Nông Thị Quy	7.00	Bảy
12	Phùng Thị Thu Hằng	7.50	Bảy phẩy năm	52	Nông Thị Kiên	7.00	Bảy
13	Hoàng Văn Hành	8.00	Tám	53	Nông Văn Siễn	7.00	Bảy
14	Hoàng Minh Hậu	7.75	Bảy phẩy bảy năm	54	Hoàng Thị Tâm	6.25	Sáu phẩy hai năm
15	Nông Thị Hiền	7.25	Bảy phẩy hai năm	55	Nông Thị Thạch	7.75	Bảy phẩy bảy năm
16	Đàm Văn Hiệp	7.50	Bảy phẩy năm	56	Đình Viêt Thiện	7.50	Bảy phẩy năm
17	Hoàng Thị Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	57	Mã Thị Thiệp	6.75	Sáu phẩy bảy năm
18	Phan Triệu Học	7.50	Bảy phẩy năm	58	Nông Thị Thoa	8.00	Tám
19	Nông Thị Hồng	8.00	Tám	59	Bế Văn Thoại	8.00	Tám
20	Nông Thị Hợp	7.50	Bảy phẩy năm	60	Nông Thị Thu	6.75	Sáu phẩy bảy năm
21	Nông Văn Huân	7.75	Bảy phẩy bảy năm	61	Nông Ngọc Thụ	7.50	Bảy phẩy năm
22	Triệu Bích Huệ	7.25	Bảy phẩy hai năm	62	Mã Thị Thương	7.50	Bảy phẩy năm

DHT

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	7.25	Bảy phẩy hai năm	63	Hà Văn Thượng	8.00	Tám
24	Nông Thanh Hùng	8.00	Tám	64	Mã Thị Thùy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
25	Đàm Thị Hường	7.00	Bảy	65	Nông Linh Thủy	7.50	Bảy phẩy năm
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7.25	Bảy phẩy hai năm	66	Lương Thị Thủy	8.00	Tám
27	Hoàng Thị Thu Huyền	7.25	Bảy phẩy hai năm	67	Hoàng Văn Tú	7.75	Bảy phẩy bảy năm
28	Đường Thị Kết	7.75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	7.50	Bảy phẩy năm
29	Lương Thị Vân Khánh	8.00	Tám	69	Bạch Văn Tùng	7.75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7.75	Bảy phẩy bảy năm	70	Phạm Thị Tươi	7.50	Bảy phẩy năm
31	Lương Thị Liễu	7.25	Bảy phẩy hai năm	71	Triệu Thị Tuyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm
32	Nông Thị Linh	8.00	Tám	72	Trần Thị Tuyết	7.50	Bảy phẩy năm
33	Hoàng Thị Loan	8.00	Tám	73	Bế Thị Ánh Tuyết	8.00	Tám
34	La Thị Loan	7.75	Bảy phẩy bảy năm	74	Lộc Thị Vân	7.00	Bảy
35	Nông Thị Thanh Loan	8.00	Tám	75	Lý Thị Vân	7.50	Bảy phẩy năm
36	Phạm Minh Loan	8.00	Tám	76	Nông Thị Vân	7.50	Bảy phẩy năm
37	Hà Thị Luyên	8.00	Tám	77	Lộc Thị Viên	7.75	Bảy phẩy bảy năm
38	Nông Thị Luyên	8.00	Tám	78	Chu Văn Xuyên	7.50	Bảy phẩy năm
39	Đàm Thị Mến	7.75	Bảy phẩy bảy năm	79	Hứa Văn Du	6.25	Sáu phẩy hai năm
40	Long Nông Nữ Minh	7.75	Bảy phẩy bảy năm				

Điểm 6.25: 02 điểm; Điểm 6.75: 02 điểm; Điểm 7.00: 08 điểm; Điểm 7.25: 13 điểm; Điểm 7.50: 19 điểm; Điểm 7.75: 17 điểm; Điểm 8.00: 17 điểm; Điểm 8.25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
K/T TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐHlo

Nông Văn Dũng



Đoàn Thị Kim Liên

Nông Văn Dũng

Hoàng Việt Hưng